TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 09/2018/HNGĐ - ST
Ngày 08-3-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Quý
2. Ông Hà Long Biên

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Văn Hùng – Thư ký Tòa án, TAND huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08/3/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 176/2017/TLST- HNGĐ ngày 16/10/2017 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Duy H; Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị T; Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh H và chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2017, trong bản tự khai đề ngày 20/10/2017 và trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên đã nhiều lần sảy ra cãi cọ. Vợ chồng đã cố gắng để hai bên có thể tìm được tiếng nói chung nhưng vẫn không hàn gắn được. Thời gian kéo dài khiến cho vợ chồng đều cảm

thấy vô cùng mệt mỏi và căng thẳng. Chị T đã về nhà mẹ đẻ từ tháng 5 năm 2017 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó, không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

-Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Linh C, sinh ngày 02/9/2013, hiện nay cháu đang ở với anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện tại anh đang làm thợ sửa ôtô tại nhà, thu nhập trung bình của anh khoảng 30.000.000đ/tháng nên có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con và đưa đón con đi học. Chị T đi làm tại công ty may xa nhà, sáng đi tối về, con gửi cho ông bà ngoại trong khi trường học lại xa nên anh không đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26/10/2017, trong các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Duy H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/11/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng chung quan điểm sống. Bản thân anh H thì muốn vợ chồng về ở chung với gia đình bên chồng nhưng chị lại không muốn vì giữa chị và gia đình bên chồng có nhiều mâu thuẫn. Chính vì thế mà vợ chồng thường xuyên sảy ra cãi vã. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 5/2017 đến nay và vợ chồng ly thân từ đó không còn quan hệ tình cảm với nhau nữa. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị, chị cũng đồng ý ly hôn với anh H.

- Về con cái Vợ chồng có một con chung là Bùi Linh C, sinh ngày 02/9/2013. Hiện nay cháu đang ở với anh H. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm công nhân tại công ty may, thu nhập trung bình của chị là 4.800.000đ/tháng nên chị đủ điều kiện nuôi con mà không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về hôn nhân: Anh Bùi Duy H và chị Bùi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa ngày 26/11/2013 và không vi phạm

điều cấm của luật hôn nhân gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không có cùng quan điểm sống nên thường xuyên sảy ra cãi vã. Tình trạng trên kéo dài khiến cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Việc này cả anh H và chị T đều công nhận và cũng đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận. Nay cả anh H và chị T đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nghĩ nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho anh H được ly hôn chị T.

[2].Về con cái: Vợ chồng có một con chung là Bùi Linh C, sinh ngày 02/9/2013, hiện nay cháu đang ở với anh H. Ly hôn, cả anh H và chị To đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ khi vợ chồng anh H và chị T sống ly thân đến nay, cháu C ở với anh H. Mặt khác, hiện tại anh H mở cửa hàng sửa chữa oto tại nhà, thu nhập của anh là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)/tháng, việc này đã có các cấp chính quyền xã T xác nhận. Bản thân chị T làm việc tại công ty may, chị T cũng đã cung cấp cho Tòa án giấy xác nhận mức lương của công ty là 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng. Tuy nhiên, công việc của chị T đòi hỏi nhiều thời gian và nơi làm việc lại xa nơi sinh sống nên chị thường xuyên phải đi sớm về muộn, không có thời gian đưa đón cháu khi đi học và ít có thời gian chăm sóc con như anh H. Do đó, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt của cháu C, giao cháu C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ là phù hợp. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của anh H, giao cháu Bùi Linh C cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

[4].Về tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5].Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1.Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Duy H được ly hôn chị Bùi Thị T.

2.Về con cái: Giao con chung là cháu Bùi Linh C, sinh ngày 02/9/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Duy H chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi

hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2015/0002122 ngày 16/10/2017. Anh H đã nộp đủ tiền án phí

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh H và chị T. Anh H và chị T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND Thạch Thành;
- UBND xã Thành T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cúc